

Số: 163/QĐ-THCSTĐN

Hà Đông, ngày 26 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng Trường THCS Trần Đăng Ninh;

Theo đề nghị của bộ phận phụ trách công tác công khai thông tin của nhà trường;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai

Công bố công khai các thông tin của Trường THCS Trần Đăng Ninh theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT trên Trang thông tin điện tử của nhà trường.

Nội dung công khai gồm các thông tin thuộc trách nhiệm công khai của cơ sở giáo dục, trong đó tập trung vào:

- Thông tin chung về cơ sở giáo dục;
- Thông tin về tài chính và các khoản thu theo quy định;
- Điều kiện cơ sở vật chất và các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục;
- Kế hoạch và các điều kiện thực hiện nhiệm vụ giáo dục; Kết quả hoạt động giáo dục;

5. Báo cáo thường niên và các nội dung công khai khác theo quy định của Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT.

Điều 2. Hình thức và thời gian công khai

Hình thức công khai: Đăng tải đầy đủ các nội dung công khai trên Trang thông tin điện tử của Trường THCS Trần Đăng Ninh.

Thời gian công khai: Thực hiện theo thời hạn quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT; các nội dung công khai trên Trang thông tin điện tử được duy trì theo thời gian quy định.

Khi có thay đổi đối với các nội dung đã công khai, nhà trường thực hiện cập nhật, bổ sung theo quy định.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Giao bộ phận phụ trách công khai thông tin phối hợp với cán bộ quản trị Trang thông tin điện tử của nhà trường thực hiện đăng tải đầy đủ, chính xác các nội dung công khai theo Điều 1 của Quyết định này.

Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu thuộc lĩnh vực phụ trách để thực hiện công khai theo quy định.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Các Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng các tổ chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng, cán bộ, giáo viên, nhân viên có liên quan và người phụ trách Trang thông tin điện tử của nhà trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

Như Điều 4;

Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Kiều Thị Thu Hương

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chung của nhà trường năm 2026

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Tên cơ sở giáo dục

Tên trường: Trường THCS Trần Đăng Ninh.

Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài: Không có.

2. Địa chỉ và thông tin liên hệ

Địa chỉ trụ sở: Khu tái định cư Ngô Thị Nhậm, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 02433.521135

Địa chỉ thư điện tử: c2trandangninh-hadong@hanoiedu.vn.

Cổng thông tin điện tử: c2trandangninh.phuonghadong.edu.vn

3. Loại hình và cơ quan quản lý

Loại hình: Cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

Cấp học: Trung học cơ sở.

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND phường Hà Đông.

Nhà trường hoạt động theo quy định của pháp luật về giáo dục và các quy định hiện hành của ngành Giáo dục và Đào tạo.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn và mục tiêu

Sứ mệnh: Cung cấp một môi trường học tập an toàn và thân thiện, nơi học sinh được phát triển toàn diện về phẩm chất, năng lực và tinh thần. Đội ngũ cam kết không ngừng đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và giảng dạy, tạo điều kiện cho học sinh phát huy tối đa khả năng của bản thân. Để thực hiện điều này, nhà trường cũng sẽ xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với phụ huynh, cộng đồng và các tổ chức xã hội, nhằm tạo ra một môi trường giáo dục tốt nhất, giúp học sinh trưởng thành và phát triển toàn diện.

Tầm nhìn: Trường THCS Trần Đăng Ninh phấn đấu trở thành cơ sở giáo dục top đầu trong khu vực, nổi bật với chất lượng giáo dục toàn diện và môi trường học tập thân thiện, sáng tạo. Chúng tôi cam kết không chỉ cung cấp kiến thức mà còn hình thành nhân cách và kỹ năng sống cho học sinh, kế thừa các giá trị truyền thống, đào tạo những thế hệ trẻ có năng lực, phẩm chất đạo đức tốt và tinh thần trách nhiệm với xã hội, trở thành lựa chọn tin cậy của học sinh, phụ huynh và cộng đồng.

Hệ thống giá trị cơ bản của nhà trường:

Để xây dựng một cộng đồng giáo dục vững mạnh, việc tạo dựng niềm tin từ CBGVNV, học sinh, cha mẹ học sinh (CMHS) và chính quyền địa phương là điều thiết yếu. Để hiện thực hóa mục tiêu đó, nhà trường tạo dựng hệ thống giá trị cốt lõi, bao gồm: “Chất lượng - Đổi mới - Hợp tác - Trách nhiệm - Bền vững”.

Chất lượng: Luôn đặt chất lượng giáo dục lên hàng đầu, với đội ngũ giáo viên nhiệt huyết và chương trình giảng dạy hiện đại, đáp ứng tốt nhất nhu cầu học tập của học sinh. Học sinh được phát huy phẩm chất, năng lực và kỹ năng sống.

Đổi mới: Khuyến khích sáng tạo và tư duy phản biện, áp dụng những phương pháp giảng dạy tiên tiến để giúp học sinh phát huy tối đa tiềm năng của mình.

Hợp tác: Xây dựng mối liên kết chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội, nhằm tạo ra một môi trường hỗ trợ tối ưu cho sự phát triển toàn diện của học sinh. Ở đó học sinh được yêu thương, đoàn kết, hợp tác cùng chia sẻ.

Trách nhiệm: Đào tạo những thế hệ học sinh có tinh thần trách nhiệm và lòng yêu thương đối với cộng đồng và xã hội, góp phần xây dựng một xã hội văn minh và hiện đại.

Bền vững: Chúng tôi cam kết phát triển giáo dục bền vững, tạo ra môi trường học tập an toàn và thân thiện, nơi học sinh được phát huy tối đa tiềm năng. Đồng thời, đảm bảo sự ổn định và phát triển đời sống cho CBGVNV và học sinh.

Mục tiêu: Trường THCS Trần Đăng Ninh phấn đấu trở thành một địa chỉ tin cậy trong lĩnh vực giáo dục tại địa phương cung cấp nền giáo dục chất lượng cao và phát triển toàn diện cho học sinh. Chúng tôi cam kết tạo dựng môi trường học tập hiện đại, thân thiện, đáp ứng nhu cầu phát triển của học sinh và yêu cầu của xã hội. Qua đó, nhà trường góp phần hình thành những công dân có tri thức, kỹ năng sống, phẩm chất đạo đức vững vàng, sẵn sàng hội nhập và cống hiến cho cộng đồng.

5. Khái quát quá trình hình thành và phát triển

Trường THCS Trần Đăng Ninh được thành lập và phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh trên địa bàn. Trong quá trình hoạt động, nhà trường từng bước xây dựng và hoàn thiện cơ sở vật chất, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và nâng cao chất lượng giáo dục.

Nhà trường luôn chú trọng thực hiện chương trình giáo dục, đổi mới phương pháp dạy học, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện và từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

6. Người đại diện để liên hệ

Họ và tên: Kiều Thị Thu Hương

Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ nơi làm việc: Trường THCS Trần Đăng Ninh.

Điện thoại: 0984165196

Email: c2trandangninh-hadong@hanoiedu.vn.



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

Kiều Thị Thu Hương

UBND PHƯỜNG HÀ ĐÔNG
TRƯỜNG THCS TRẦN ĐĂNG NINH

THÔNG BÁO

Công khai tài chính năm 2025

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Tình hình thu chi ngân sách

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
A	Tổng số thu		
1	Kinh phí ngân sách nhà nước	20.165.613.460	
B	Tổng thu	20.165.613.460	
C	Tổng chi	20.165.613.460	
	Chênh lệch thu – chi (nếu có)	0	

2. Các khoản thu dịch vụ ngoài ngân sách

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số thu trong kỳ	Số đã sử dụng trong kỳ	Nộp thuế TNDN	Dư cuối kỳ
A	B	1	2	3	4	6= 1+2 -3 -4
I	Các khoản thu sự nghiệp					
1	Tổng học phí - Tiền gửi kho bạc	0	2.702.347.500	2.540.700.382	0	161.647.118
	Kinh phí được để lại chi thường xuyên tự chủ (60%)	0	1.621.408.500	1.592.546.917	0	28.861.583
	Kinh phí nguồn CCTL (40%)	0	1.080.939.000	948.153.465	0	132.785.535
1.1	Đơn vị thu	0	1.463.587.500	1.301.940.382	0	161.647.118
	Kinh phí được để lại chi thường xuyên tự chủ (60%)	0	878.152.500	849.290.917		28.861.583
	Kinh phí nguồn CCTL (40%)	0	585.435.000	452.649.465		132.785.535
1.2	Cấp bù học phí theo QĐ số 159/QĐ-UBND ngày 12/7/2025; QĐ số 1672/QĐ-UBND ngày 31/12/2025	0	1.238.760.000	1.238.760.000	0	0
	Kinh phí được để lại chi thường	0	743.256.000	743.256.000	0	0

	<i>xuân tự chủ</i> (60%)					
	<i>Kinh phí nguồn</i> <i>CCTL (40%)</i>	0	495.504.000	495.504.000	0	0
2	Học phẩm	0	0	0	0	0
3	Trang thiết bị bán trú	0	120.058.000	93.719.000	2.401.160	23.937.840
4	Chăm sóc bán trú	0	821.677.500	805.243.951	16.433.549	0
II	Các khoản thu khác	833.620.059	5.742.411.012	6.473.329.199	55.784.530	46.917.342
1	Tiền ăn bán trú học sinh	0	2.380.385.000	2.380.385.000	0	0
2	Tiền nước uống học sinh	8.494	277.744.000	277.728.836	0	23.658
3	Tiền dạy thêm học thêm	816.590.847	1.099.534.000	1.894.134.167	21.990.680	0
4	Tiền học 2 buổi/ngày	0	1.531.612.500	1.500.980.250	30.632.250	0
5	Sổ liên lạc điện tử	0	347.180.000	305.288.800	3.161.600	38.729.600
6	Bảo hiểm y tế học sinh	17.020.718	80.757.000	90.117.604	0	7.660.114
7	Thù lao hoa hồng BHYT	0	25.198.512	24.694.542	0	503.970
8	Năng khiếu	0	0	0	0	0
	<i>Toán tư duy</i>	0				0
	<i>Sáng tạo nghệ</i> <i>thuật</i>	0				0
	<i>Vận động nghệ</i> <i>thuật</i>	0				0
	<i>Kỹ năng sống</i>	0				0
III	- Các khoản thu từ hoạt động tài chính	2.565.848	755.507	1.742.526	0	1.578.829
1	Lãi tài khoản kho bạc	2.565.848	755.507	1.742.526	0	1.578.829
2	Lãi tài khoản tiền gửi ngân hàng	0	0	0	0	0
	TỔNG SỐ	836.185.907	9.387.249.519	9.914.735.058	74.619.239	234.081.129



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG
Kiều Thị Thu Hương

THÔNG BÁO

Công khai điều kiện bảo đảm chất lượng năm 2026

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN

Nội dung	Số lượng	Đạt chuẩn	Tỷ lệ
Cán bộ quản lý	3	3	100%
Giáo viên	72	72	100%
Nhân viên	5	5	100%
Nhân viên hợp đồng	3	3	100%
Giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp (không tính GVHD)	72	Tốt: 29 GV, Khá: 43 GV	100%
CBQL đạt chuẩn nghề nghiệp	3	Tốt: 03, Khá: 0	100%
CBQL, giáo viên, nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm (kể cả 07 GVHD)	90	90	100%

II. CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ VÀ TÀI LIỆU HỌC TẬP

Nội dung	Số lượng/Diện tích	Đáp ứng yêu cầu
Diện tích khu đất trường	8567, 54	Tốt
Số phòng học	43	Tốt
Phòng chức năng	7 (01 phòng Thiết bị, 01 Thư viện, 01 phòng truyền thống, 01 phòng Y tế, 01 phòng Tham vấn học đường, 01 phòng Đoàn đội, 01 phòng Hợp Hội đồng)	Tốt
Phòng bộ môn	5 (02 phòng KHTN, 01 phòng Tin, 01 phòng công nghệ, 01 phòng Nghệ thuật)	Đạt
Phòng GDTC	1	Tốt
Công trình vệ sinh, hạ tầng kỹ thuật	29	Nhà vệ sinh nhà B chưa đáp ứng nhu cầu
Thiết bị dạy học	Đảm bảo	Đáp ứng yêu cầu
Sách giáo khoa sử dụng	Đảm bảo	Đáp ứng yêu cầu
Tài liệu tham khảo	Đảm bảo	Đáp ứng yêu cầu

III. KIỂM ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Nội dung	Kết quả
Kết quả công nhận kiểm định chất lượng giáo dục	Đạt Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2, theo QĐ số: 218/QĐ-SGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2023
Kết quả công nhận trường đạt chuẩn quốc gia	Đạt trường chuẩn quốc gia Mức độ 1 và được công nhận lại mức độ 1 từ ngày 18/1/2023

Hà Đông, ngày 09 tháng 6 năm 2026



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

Kiều Thị Thu Hương

THÔNG BÁO

Công khai kế hoạch và kết quả giáo dục năm 2026
(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2026–2027

STT	Nội dung công khai	Thông tin
1	Kế hoạch tuyển sinh	Đối tượng, chỉ tiêu, phương thức và thời gian tuyển sinh theo kế hoạch được phê duyệt
2	Kế hoạch giáo dục nhà trường	Thực hiện Chương trình GDPT 2018; tổ chức dạy học, giáo dục theo kế hoạch năm học
3	Phối hợp nhà trường – gia đình – xã hội	Thực hiện phối hợp trong quản lý, chăm sóc và giáo dục học sinh
4	Hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện	Phụ đạo, bồi dưỡng, hoạt động trải nghiệm, giáo dục kỹ năng và các hoạt động giáo dục khác
5	Thực đơn học sinh	Công khai thực đơn hằng ngày đối với học sinh ăn bán trú

II. KẾT QUẢ GIÁO DỤC THỰC TẾ NĂM HỌC 2025–2026

Nội dung	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9	Toàn trường
Tổng số lớp	11	10	12	10	43
Tổng số học sinh	509	459	554	444	1966
Trong đó:					
- Bình quân số HS/lớp	46.3	45.9	46.2	44.4	45.7
- Học sinh nữ	243	227	256	210	936
- Con liệt sỹ	0	0	0	0	0
- Con thương bệnh binh	0	0	0	0	0
- Số HS thuộc hộ nghèo	0	0	0	0	0
- Dân tộc thiểu số	9	3	8	4	24
- Nữ dân tộc thiểu số	6	2	4	2	14
- Số HS khuyết tật	1	6	2	2	11



- Số HS bỏ học (So với cuối năm học trước)	0	0	0	0	0
- Số học sinh học 2 buổi/ngày	509	459	554	444	1966
Số học sinh hoàn thành chương trình THCS				444	444
Số học sinh được cấp bằng tốt nghiệp THCS				444	444

1. Kết quả xếp loại hai mặt giáo dục:

*** Kết quả rèn luyện**

TT	Khối	Tổng	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Khối 6	509	480	94.3	26	5.11	3	0.59		
2	Khối 7	459	416	90.63	38	8.28	4	0.87	1	0.22
3	Khối 8	554	492	88.81	51	9.21	9	1.62	2	0.36
4	Khối 9	444	410	92.34	34	7.66				
Tổng		1966	1798	91.45	149	7.58	16	0.81	3	0.15

*** Kết quả học tập**

TT	Khối	Tổng	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Khối 6	509	333	65.42	138	27.11	38	7.47		
2	Khối 7	459	256	55.77	144	31.37	58	12.64	1	0.22
3	Khối 8	554	267	48.19	233	42.06	51	9.21	3	0.54
4	Khối 9	444	255	57.43	117	26.35	72	16.22		
Tổng		1966	1111	56.51	632	32.15	219	11.14	4	0.2

*** Danh hiệu**

TT	Khối	Tổng	HSXS		HSG	
			SL	%	SL	%
1	Khối 6	509	95	18.66	232	45.58
2	Khối 7	459	69	15.03	185	40.31
3	Khối 8	554	31	5.6	233	42.06
4	Khối 9	444	38	8.56	217	48.87
Tổng		1966	233	11.85	867	44.1

2. Kết quả thi học sinh giỏi

a. Giải văn hóa:

*Cấp Quốc tế:

TT	Môn (Kỳ thi)	Tổng	HC Vàng	HC Bạc	HC Đồng
1	Toán Quốc tế TIMO	2	1	0	1
2	Olympic Tiếng Anh Quốc Tế Đông Nam Á GELOSEA	1	0	0	1

* Cấp quốc gia:

TT	Môn (Kỳ thi)	Tổng	HC Vàng	HC Bạc	HC Đồng
1	Toán Quốc tế TIMO	21	1	4	16
2	Olympic Khoa học và Toán học châu Á (ASMO)	09	0	3	6
3	Cuộc thi Sáng tạo dành cho Thanh thiếu niên, Nhi đồng Toàn quốc lần thứ 21 – năm 2025	04	0	0	4 (giải KK)
	Môn (Kỳ thi)	Tổng	Nhất	Nhì	Ba
4	Olympic Toán học Quốc tế BBB (Big Bay Bei)	01	0	0	01

*Cấp thành phố:

TT	Môn (Kỳ thi)	Tổng	Nhất	Nhì	Ba	KK
1	Cuộc thi giải toán trên máy tính cầm tay TP Hà Nội năm 2026	1	1	0	0	0
2	Kỳ thi chọn HSG các môn văn hóa lớp 9	3	0	2	0	1
3	Cuộc thi sân chơi Toán học Việt Nam VNMF	10	0	2	2	6
TT	Môn (Kỳ thi) cấp Thành phố	Tổng	HC Vàng	HC Bạc	HC Đồng	KK
4	Cuộc thi Đấu trường toán học Vioedu	9	0	2	3	4



5	Cuộc thi Tài năng Tin học trẻ Thành phố Hà Nội	02 HS tham gia trong đó 1 học sinh đạt top 10 thí sinh xuất sắc nhất Phường Hà Đông
---	--	---

*** Cấp phường:**

TT	Môn (Kỳ thi) cấp Phường	Tổng	Nhất	Nhì	Ba	KK
1	Kỳ thi chọn học sinh giỏi phường Hà Đông các môn văn hóa lớp 9,	31	0	5	11	15
2	Giao lưu HSG cấp Phường 6, 7, 8	45	0	12	16	17
TT	Môn (Kỳ thi) cấp Phường	Tổng	HC Vàng	HC Bạc	HC Đồng	KK
3	Cuộc thi Đấu trường toán học Vioedu	29	2	4	9	14

b. Kết quả các cuộc thi khác

***Giải tập thể:**

- Nhà trường được Chủ tịch UBND phường tặng Giấy khen đã có thành tích đột xuất trong công tác phối hợp tổ chức "điểm" tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn phường.

- 01 giải Nhất tập thể cuộc thi “liên hoan chỉ huy Đội giỏi” năm học 2025-2026 do Hội đồng đội Phường Hà Đông tổ chức.

- 05 đội tham dự cuộc thi “FPT Schools AI & Robotics Challenge 2025 - 2026” sân chơi trí tuệ, sáng tạo dành cho học sinh đam mê công nghệ, có 03 đội thi xuất sắc đã lọt TOP 40 và tham gia vòng chung kết cơ sở.

***Giải cá nhân:**

- 01 giải khuyến khích viết thư Quốc tế UPU lần thứ 55

- 01 giải khuyến khích bảng C cuộc thi “Ham đọc sách toàn quốc năm 2026”

- Chung kết Ngày hội “Trạng Nguyên nhỏ tuổi” toàn quốc lần thứ 24, năm học 2025–2026 do báo Thiếu niên Tiền phong và Nhi đồng tổ chức: 02 HS đạt giải Hoàng Giáp

- 01 giải Nhất cá nhân cuộc thi liên hoan ”Chỉ huy Đội giỏi” năm học 2025-2026 do Hội đồng đội phường Hà Đông tổ chức

- 01 giải Nhì Liên hoan tài năng nhạc cụ học sinh phổ thông phường Hà Đông lần thứ I năm học 2025-2026

- 01 giải Nhì cuộc thi “Gia đình đọc sách - Tủ sách gia đình kết nối yêu thương” phường Hà Đông năm 2026

- 01 giải Ba cuộc thi “Gia đình đọc sách - Tủ sách gia đình kết nối yêu thương” phường Hà Đông năm 2026

- 02 giải Ba Cuộc thi KHKT dành cho HS trung học phường Hà Đông

*** Giải thể thao**

TT	Tên cuộc thi TDTT	Tổng	HC Vàng	HC Bạc	HC Đồng
1	Giải vô địch Taekwondo các CLB quốc gia- cúp đại sứ Hàn Quốc năm 2025	1	0	0	1
2	Hội thi dành cho HS môn võ cổ truyền TP Hà Nội	2	2	0	0
TT	Tên cuộc thi TDTT	Tổng	Nhất	Nhì	Ba
3	Môn võ cổ truyền Đại hội thể thao thủ đô lần thứ XI năm 2025	2	1	1	0
4	Chung kết Giải chạy Báo Hà Nội Mới mở rộng lần thứ 50 năm 2025	1	0	0	1
5	Đại hội TDTT thủ đô lần XI	6	1	1	4
6	Đại hội thể thao học sinh phổ thông phường Hà Đông năm học 2025-2026	3	0	0	3
7	05 học sinh được Chủ tịch UBND phường Hà Đông trao tặng Giấy khen vì có thành tích đột xuất trong công tác phối hợp tổ chức điểm Hội nghị tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật tại các cơ sở trên địa bàn phường				

Hà Đông, ngày 09 tháng 6 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

Kiên Thị Thu Hương

T.P. HÀ ĐÔNG

UBND PHƯỜNG HÀ ĐÔNG
TRƯỜNG THCS TRẦN ĐĂNG NINH

Số: 157/BC-THCSTĐN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Đông, ngày 09 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

(Thực hiện theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở giáo dục: Trường Trung học cơ sở Trần Đăng Ninh.
- Địa chỉ: Khu tái định cư Ngô Thì Nhậm, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội.
- Loại hình cơ sở giáo dục: Cơ sở giáo dục phổ thông công lập, thực hiện chương trình giáo dục cấp trung học cơ sở.
- Người đứng đầu cơ sở giáo dục: Bà Kiều Thị Thu Hương - Hiệu trưởng Trường THCS Trần Đăng Ninh.
- Sứ mạng, mục tiêu: Xây dựng môi trường giáo dục kỷ cương, trách nhiệm, dân chủ, thân thiện và chất lượng; phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; nâng cao chất lượng đội ngũ; tăng cường cơ sở vật chất, chuyển đổi số và xây dựng trường học an toàn, hạnh phúc.
- Tổ chức bộ máy: Nhà trường thực hiện tổ chức và hoạt động theo quy định đối với trường THCS, gồm Ban Giám hiệu, Hội đồng trường, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các tổ chức, bộ phận phối hợp thực hiện nhiệm vụ giáo dục.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Tính đến ngày 31/12/2025, đội ngũ của nhà trường cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ giáo dục.

Thành phần	Số lượng
Cán bộ quản lý	03
Giáo viên	72
Giáo viên hợp đồng	07
Nhân viên	05
Nhân viên hợp đồng	03
Tổng số	90

Giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp: 72/72 giáo viên được đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp; trong đó mức Tốt 29 giáo viên, mức Khá 43 giáo viên.

Cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp: 03/03; trong đó mức Tốt 03, mức Khá 0.

Công tác bồi dưỡng hằng năm: 90 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và giáo viên hợp đồng hoàn thành bồi dưỡng hằng năm, đạt 100% đối tượng thuộc diện thực hiện bồi dưỡng.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Nội dung	Số lượng/Diện tích	Đánh giá
Diện tích khu đất	8.567,54 m ²	Tốt
Phòng học	43	Tốt
Phòng chức năng	07	Tốt
Phòng học bộ môn	05	Đạt
Phòng Giáo dục thể chất	01	Tốt
Công trình vệ sinh, hạ tầng kỹ thuật	29	Cơ bản đáp ứng

Phòng chức năng gồm: 01 phòng Thiết bị, 01 Thư viện, 01 phòng Truyền thống, 01 phòng Y tế, 01 phòng Tham vấn học đường, 01 phòng Đoàn - Đội và 01 phòng Hợp Hội đồng.

Phòng học bộ môn gồm: 02 phòng Khoa học tự nhiên, 01 phòng Tin học, 01 phòng Công nghệ và 01 phòng Nghệ thuật.

Hệ thống thiết bị dạy học được quản lý, sử dụng và rà soát thường xuyên; nhà trường thực hiện sửa chữa, bổ sung, thay thế thiết bị hư hỏng theo nhu cầu và khả năng nguồn kinh phí.

Sách giáo khoa được lựa chọn, cung ứng và sử dụng theo quy định, bảo đảm phục vụ hoạt động dạy và học.

Hạn chế về cơ sở vật chất: Nhà vệ sinh khu nhà B chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng; nhà trường tiếp tục rà soát, sửa chữa và bổ sung để bảo đảm điều kiện vệ sinh, an toàn cho học sinh.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ TRƯỜNG CHUẨN QUỐC GIA

- Nhà trường thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục, rà soát các tiêu chuẩn, tiêu chí, xác định điểm mạnh, hạn chế và xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng.
- Kết quả công nhận kiểm định chất lượng giáo dục: Đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 theo Quyết định số 218/QĐ-SGDĐT ngày 30/12/2023.
- Kết quả công nhận trường đạt chuẩn quốc gia: Đạt trường chuẩn quốc gia Mức độ 1 và được công nhận lại Mức độ 1 từ ngày 18/01/2023.
- Nhà trường tiếp tục duy trì các điều kiện đã đạt, thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng, tập trung vào cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và các điều kiện bảo đảm chất lượng.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

- Kế hoạch hoạt động giáo dục: Năm học 2025-2026, nhà trường triển khai Chương trình giáo dục phổ thông theo quy định; tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá, hoạt động

trải nghiệm - hướng nghiệp, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục thể chất, công tác Đội và các hoạt động giáo dục khác.

2. Kết quả tuyển sinh và giáo dục học sinh: Nhà trường thực hiện tuyển sinh lớp 6 theo kế hoạch của cơ quan quản lý giáo dục; tổ chức dạy học và đánh giá học sinh theo quy định, chú trọng phát triển phẩm chất, năng lực và hỗ trợ học sinh còn hạn chế.

3. Kết quả kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm 2025: Có 353 học sinh tham gia; 305 học sinh trúng tuyển vào các nguyện vọng THPT, đạt 86,4%; 132 học sinh đạt từ 24 điểm trở lên; 22 học sinh trúng tuyển các trường THPT chuyên.

4. Thành tích học sinh: Học sinh nhà trường đạt thành tích tại các kỳ thi, giao lưu học sinh giỏi cấp phường, cấp thành phố và các sân chơi trí tuệ trong năm học 2025-2026; nhà trường tổ chức tuyên dương, khen thưởng học sinh có thành tích.

5. Các hoạt động giáo dục khác được triển khai: giáo dục đạo đức, lối sống, pháp luật, kỹ năng sống, an toàn giao thông, phòng chống bạo lực học đường, chăm sóc sức khỏe học đường, hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao, trải nghiệm và hướng nghiệp.

6. Các chỉ tiêu chi tiết về kết quả học tập, rèn luyện, lên lớp và hoàn thành chương trình được quản lý, cập nhật trên Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và hồ sơ tổng kết năm học của nhà trường; khi công khai, nhà trường sử dụng số liệu đã được xác nhận trên hệ thống và hồ sơ chính thức.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH NĂM 2025

Số liệu tài chính dưới đây được tổng hợp từ hồ sơ quyết toán và các biểu đối chiếu thu, chi năm 2025 của Trường THCS Trần Đăng Ninh. Đơn vị tính: đồng.

Nội dung	Số tiền
Doanh thu hoạt động hành chính, sự nghiệp từ NSNN	20.165.613.460
Chi phí hoạt động hành chính, sự nghiệp	20.165.613.460
Doanh thu học phí	2.702.347.500
Chi từ nguồn học phí	2.540.700.382
Dư cuối kỳ nguồn học phí	161.647.118
Doanh thu hoạt động tài chính	3.321.355
Chi phí hoạt động tài chính	1.742.526
Thặng dư hoạt động tài chính	1.578.829
Thu nhập hoạt động khác	7.517.766.571
Chi phí hoạt động khác	7.372.292.150
Thặng dư hoạt động khác	145.474.421
Chi phí thuế TNDN	74.619.239
Thặng dư trong năm	234.081.129

Nguồn kinh phí ngân sách thực hiện năm 2025 gồm: kinh phí giao tự chủ 12.683.667.000 đồng; kinh phí thực hiện cải cách tiền lương 6.458.957.500 đồng; kinh

phí giao không tự chủ 51.460.000 đồng; kinh phí giao không tự chủ để thực hiện tiền thưởng theo Nghị định 73 là 971.528.960 đồng. Tổng cộng 20.165.613.460 đồng.

Nguồn cải cách tiền lương: kinh phí được sử dụng trong năm 6.345.096.500 đồng; đã sử dụng 6.212.310.965 đồng; số dư được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán 132.785.535 đồng.

Các khoản thu khác: số dư đầu kỳ 833.620.059 đồng; số thu trong kỳ 5.742.411.012 đồng; số đã sử dụng trong kỳ 6.473.329.199 đồng; nộp thuế TNDN 55.784.530 đồng; dư cuối kỳ 46.917.342 đồng.

Các khoản thu từ hoạt động tài chính: số dư đầu kỳ 2.565.848 đồng; thu trong kỳ 755.507 đồng; đã sử dụng 1.742.526 đồng; dư cuối kỳ 1.578.829 đồng.

Trích lập và sử dụng các quỹ từ nguồn ngân sách: số dư quỹ đầu kỳ 686.003.118 đồng; trích lập trong năm 476.089.738 đồng; chi trong kỳ 710.391.042 đồng; dư quỹ cuối kỳ 451.701.814 đồng.

Nhà trường thực hiện quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí, các khoản thu, chi và các quỹ theo dự toán được giao, quy định về ngân sách nhà nước, kế toán, tài chính công và các quy định có liên quan.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác quản lý: Tăng cường kỷ cương, nền nếp; phân công nhiệm vụ rõ ràng; thực hiện kiểm tra nội bộ, quy chế dân chủ và trách nhiệm giải trình.

2. Chuyển đổi số: Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, dạy học, kiểm tra đánh giá, quản lý hồ sơ và trao đổi thông tin với cha mẹ học sinh.

3. Cải cách hành chính và công khai: Thực hiện công khai các nội dung theo quy định; cập nhật thông tin trên trang thông tin điện tử của nhà trường; tăng cường minh bạch trong quản lý tài chính, tài sản và hoạt động giáo dục.

4. An toàn trường học: Thường xuyên kiểm tra hệ thống điện, nước, phòng cháy chữa cháy, cơ sở vật chất, vệ sinh, cây xanh, an toàn thực phẩm, phòng chống tai nạn thương tích và các nguy cơ mất an toàn trong trường học.

5. Phối hợp nhà trường - gia đình - xã hội: Duy trì phối hợp với cha mẹ học sinh và các lực lượng xã hội trong quản lý, chăm sóc và giáo dục học sinh.

6. Công tác thi đua, khen thưởng: Kịp thời biểu dương, khen thưởng cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh có thành tích; khuyến khích đổi mới, sáng tạo và nâng cao chất lượng giáo dục.

VIII. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG

1. Kết quả đạt được: Năm 2025, nhà trường duy trì ổn định hoạt động giáo dục; đội ngũ cơ bản đáp ứng yêu cầu; cơ sở vật chất được khai thác và từng bước cải thiện; công tác kiểm định chất lượng và duy trì trường chuẩn quốc gia được thực hiện; chất lượng

học sinh có nhiều kết quả tích cực, trong đó nổi bật là kết quả tuyển sinh vào lớp 10 năm 2025.

2. Hạn chế: Một số hạng mục cơ sở vật chất, đặc biệt nhà vệ sinh khu nhà B, cần tiếp tục được sửa chữa, bổ sung; thiết bị dạy học cần được rà soát và đầu tư đồng bộ; một số chỉ tiêu chất lượng cần tiếp tục được theo dõi, cải tiến.

3. Phương hướng: Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; phát triển đội ngũ; đẩy mạnh chuyển đổi số; tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị; duy trì kiểm định chất lượng và trường chuẩn quốc gia; xây dựng trường học an toàn, thân thiện, kỷ cương và hạnh phúc; thực hiện công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Nơi nhận:

- UBND phường Hà Đông;
- Cơ quan quản lý giáo dục có thẩm quyền;
- Đăng tải trên Trang thông tin điện tử của nhà trường;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Kiều Thị Thu Hương

